



Trang 1/6

ĐIỀU KIỆN			J-/C-	D-/I-	W-/Z-	U-	Y-/B-/M-	S-/H-/K-/L-	Q-/ N-/R-/T-/E-	P-/A-/G-
			Thương gia Linh hoạt	Thương gia tiêu chuẩn	Phổ thông đặc biệt linh hoạt	Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn	Phổ thông linh hoạt	Phổ thông tiêu chuẩn	Phổ thông tiết kiệm	Phổ thông siêu tiết kiệm
Thay đổi			Điều chỉnh nhóm phổ thông đặc biệt Điều chỉnh cat 16							
00. Áp dụng	Mức giá	Giá là giá một chiều. Giá khứ hồi bằng 2 lần giá một chiều.								
	Hạng đặt chỗ	Giá: -VNF-/-VNW-/-VNT-/-VNG-/-VNCR-/-VN Áp dụng cho hiệu lực xuất vé và khởi hành từ 03/01/2025.	- Hạng đặt chỗ là ký tự đầu tiên của loại giá (Fare basis). —— Quy định về hạng đặt chỗ áp dụng cho giá trực thông đi Côn đảo (VCS) như sau:							
			Hành trình	Fare basis	Chặng bay (v.v)	Hạng thương gia	Hạng phổ thông			
			VN-SGN-VCS-V.V VN-VCA-VCS-V.V	J-,C-,	SGN-VCS, VCA-VCS	N/A	W			
				D-,			Z			
				I-,			U			
				M-,			Y			
				S-,			B			
				H-,K			M			
				L-,Q-			S			
N-,R-,				K						
T-,	Q									
E-,	R									
P-,A-,G-,	T									
04. Giới hạn chuyển bay	Giá -VNT-/-VNG-/-VNF-/-VNW-/-VNCR-/-VN	Áp dụng trên tất cả các chuyến bay VN								
05.Đặt chỗ, xuất vé	Giá-VNF-/-VNW-/-VNCR-/-VN: Lưu ý: (a) - VNW-: Thời hạn xuất vé tuân theo quy định của web (b) -VN: Chỉ áp dụng quy định về đặt chỗ, không áp dụng quy định về xuất vé	Đặt chỗ	• Giá JH-/WH-/BH-/MH-/SH-/HH-/KH-/LH- : Chỗ phải được xác nhận cho cả hành trình trước khi xuất vé.					Chỗ phải được xác nhận cho cả hành trình trước khi xuất vé.		
	Xuất vé	• Giá -PX: Xuất vé trong vòng 24h sau khi đặt chỗ (đối với giá H-/K-/L-/Q-), trong vòng 12h sau khi đặt chỗ (đối với giá N-/R-/T-/E-) • Giá -AP: AP/1/2/3/4/5/6/7/8 Xuất vé phải thực hiện vào thời hạn sớm hơn trong 2 thời hạn sau: (a) Trong vòng 24h sau khi đặt chỗ (đối với giá H-/K-/L-/Q-), trong vòng 12h sau khi đặt chỗ (đối với giá N-/R-/T-/E-); (b) Tối thiểu 1/3/7/10/14/21/30/45/60 ngày trước ngày khởi hành của từng chặng bay.						• Giá -PX: Xuất vé trong vòng 06h sau khi đặt chỗ • Giá -AP: AP/1/2/3/4/5/6/7/8 Xuất vé phải thực hiện vào thời hạn sớm hơn trong 2 thời hạn sau: (a) Trong vòng 06h sau khi đặt chỗ (b) Tối thiểu 1/3/7/10/14/21/30/45/60 ngày trước ngày khởi hành của từng chặng bay.		
		Giá-VNT-/-VNG-		Áp dụng theo quy định của khách đoàn về đặt chỗ xuất vé						
06/07. Thời hạn dừng tối thiểu/tối đa			NA/12 tháng							
08. Điểm dừng			Được phép, không thu phí							
	Giá –VNF-		Được phép với các giá -VNF-							

ĐIỀU KIỆN		J-/C-	D-/I-	W-/Z-	U-	Y-/B-/M-	S-/H-/K-/L-	Q-/ N-/R-/T-/E-	P-/A-/G-		
		Thương gia Linh hoạt	Thương gia tiêu chuẩn	Phổ thông đặc biệt linh hoạt	Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn	Phổ thông linh hoạt	Phổ thông tiêu chuẩn	Phổ thông tiết kiệm	Phổ thông siêu tiết kiệm		
10. Xây dựng & kết hợp giá <ul style="list-style-type: none">Kết hợp trên cơ sở ½ giá khứ hồi để tạo thành hành trình RT/CT.Kết hợp giá độc lập/hành trình phụ	Giá -VNCR-	Được phép với các giá -VNCR-									
	Giá –VNW-	Được phép giữa các giá Web của VN									
	Giá -VNT-	Được phép giữa các giá –VNT-									
	Giá -VNG-	Được phép giữa các giá -VNG-									
	Giá –VN	Được phép kết hợp với mọi loại giá.									
11. Thời gian không áp dụng		Phụ lục 1									
15. Hạn chế bán	Giá –VNF-/VNT-/VNG-/VNCR-	Áp dụng bán tại Việt Nam. Mã vé 738. Loại tiền VNĐ									
	Giá –VNW-	Áp dụng bán trên websites của VN. Mã vé 738. Loại tiền VNĐ									
	Giá -VN	Áp dụng bán toàn thế giới ngoại trừ Việt Nam. Loại tiền USD							Không áp dụng		
16. Phạt/thay đổi	Giá -VNF-/VNT-/VNG-/VNW-/VNCR-	Thay đổi	- Giá JH-: Áp dụng, phí 360.000 VNĐ - Giá khác: Miễn phí	Áp dụng, phí 360.000 VNĐ	- Giá WH-: Áp dụng, phí 360.000 VNĐ - Giá khác: Miễn phí	Miễn phí	- Giá BH-,MH-; BG-VNT-; BG-VNG-, MG-VNT-, MG-VNG-: Áp dụng, phí 360.000 VNĐ - Giá khác: Miễn phí	Áp dụng, phí 360.000 VNĐ	Áp dụng, phí 500.000 VNĐ	Không áp dụng	
		Hoàn	Áp dụng, phí 360.000 VNĐ	Áp dụng, phí 500.000 VNĐ	Áp dụng, phí 360.000 VNĐ	Áp dụng, phí 500.000 VNĐ	Áp dụng, phí 360.000 VNĐ	Áp dụng, phí 360.000 VNĐ	Áp dụng, phí 500.000 VNĐ	Không áp dụng	
		Noshow	Giá JVN-, WVN-, WVN-, ZVN-, UVN-, BVN-, MVN-: Miễn phí Các giá khác: Phí 500.000 VNĐ								Không áp dụng
	Giá -VN	Hoàn	Áp dụng, phí 30USD							Được phép, phí 30USD	
		Thay đổi	Áp dụng , miễn phí	Áp dụng , phí 30USD	Áp dụng , miễn phí	Áp dụng , phí 30USD	Áp dụng , miễn phí	Áp dụng, miễn phí	Áp dụng, phí 30USD		
			Giá VNF-/VNT-/VNG-/VNW-/VNCR-: (a) Nâng hạng dịch vụ: Đối với khách tour/ đoàn, khi nâng hạng dịch vụ không cần đảm bảo số lượng khách tối thiểu. Áp dụng giá FIT hạng thương gia/phổ thông đặc biệt cho khách nâng hạng dịch vụ (b) Hoàn vé của khách đoàn: - Khi hoàn vé, phải đảm bảo số khách tối thiểu của đoàn theo quy định của điều kiện giá. - Không được hoàn vé đã sử dụng 1 phần								
18. Ghi vé	Giá –VNF-/VNT-/VNG-/VNW-	“NON-END.RESTRICT MAY APPLY/CTC VN B4 DEPT FOR CHANGE”									

ĐIỀU KIỆN		J-/C-	D-/I-	W-/Z-	U-	Y-/B-/M-	S-/H-/K-/L-	Q-/ N-/R-/T-/E-	P-/A-/G-
		Thương gia Linh hoạt	Thương gia tiêu chuẩn	Phổ thông đặc biệt linh hoạt	Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn	Phổ thông linh hoạt	Phổ thông tiêu chuẩn	Phổ thông tiết kiệm	Phổ thông siêu tiết kiệm
VN đảm bảo chấp nhận các vé xuất tự động theo giá tính được tự động trên hệ thống tại thời điểm xuất vé.	Giá –VNCR-	“NON-END.REST MAY APPLY/CA REDEMPTION”							
	Giá -VN	“NON-END.RESTRICTION MAY APPLY”							
19. Giảm giá cho trẻ em/ trẻ nhỏ	Trẻ em từ 2- <12 tuổi đi cùng người lớn	Tính bằng 90% giá áp dụng cho người lớn							
	Trẻ nhỏ <2 tuổi không sử dụng chỗ đi cùng người lớn	Tính bằng 10% giá áp dụng cho người lớn							
22. Giảm giá khác: Chỉ áp dụng với giá –VNF tại các phòng vé của VNA - Các mức phí hoàn/dôi không được giảm theo tỷ lệ tương ứng		Phụ lục 2							
23. Quy định khác	Thuế/Phí/Lệ phí (TFC)	Giá chưa bao gồm các loại thuế/phí/lệ phí (TFC). Nơi xuất vé có trách nhiệm thu tất cả các loại thuế/phí/ lệ phí (TFC) tương ứng với giá và nộp vé cho VN							
	Hành lý miễn cước	Áp dụng mức hành lý tính được tự động trên hệ thống.							
26. Điều kiện áp dụng cho khách đoàn (giá-VNT/-VNG-)	Số lượng khách tối thiểu của mỗi đoàn	2/4/6/8/10: 2/4/6/8/10 khách. Trẻ nhỏ không được tính là số lượng khách tối thiểu của đoàn.							
	Điều kiện bắt buộc đi cùng nhau	Hành khách của đoàn phải đi cùng nhau trên cả hành trình							

BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG
ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM

Số: DKC01/ND version **25.02** Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày **28/12/2024**

Trang 4/6

PHỤ LỤC 1: THỜI GIAN KHÔNG ÁP DỤNG

- Giá C-/D-/I-/Z-/U-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-/R-/T-/E-: Không áp dụng,
- Các loại giá khác:

LOẠI GIÁ		J-/W-/B-/M-	G-/A-/P-	
Giá : -VNF-/ -VNW-/ -VNT-/ -VNG-/ -VNCR-	Hành trình và giai đoạn KHÔNG áp dụng (theo đúng chiều ngoại trừ JH-/WH-/BH-/MH)		Hành trình và giai đoạn KHÔNG áp dụng (theo đúng chiều)	
	SGN-HAN/HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UIH/THD/DLI/NHA/DAD/HUI/VDO/VCL; HAN-VII; PXU/VCA-HAN; VCA-BMV; VCA-HPH/THD/VII; DLI-HPH	11/01/2025- 03/02/2025	SGN – HAN/HPH/VII/VDH/THD/VCL/BMV/PXU; HAN-VII;	11/01/2025-03/02/2025
	HAN/HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UIH/THD/DLI/NHA/DAD/HUI/VDO/VCL - SGN; VII-HAN; HAN-PXU/VCA; BMV-VCA; HPH/THD/VII-VCA; HPH-DLI	31/01/2025- 17/02/2025	HAN/HPH/VII/VDH/THD/VCL/BMV/PXU - SGN; VII-HAN;	31/01/2025-17/02/2025
			SGN-UIH/DLI/DAD/HUI/NHA;	30/08/2024- 01/09/2024 27/12/2024- 30/12/2024 01/01/2025- 03/01/2025 11/01/2025- 03/02/2025 04/04-2025-05/04/2025 29/04/2025-02/05/2025 29/08/2025- 31/08/2025 31/12/2025- 02/01/2026
				01/09/2024- 03/09/2024 03/01/2025- 06/01/2025 31/01/2025- 17/02/2025 06/04/2025- 07/04/2025 02/05/2025- 05/05/2025 01/09/2025- 03/09/2025 03/01/2026- 05/01/2026
	HAN-NHA/DAD; HAN/SGN/HPH-PQC	29/01/2025- 07/02/2025	DLI/DAD/HUI/UIH/NHA-SGN	
	NHA/DAD-HAN; PQC-HAN/SGN/HPH	31/01/2025- 10/02/2025		
	Hành trình và giai đoạn ÁP DỤNG đối với giá JH-/WH-/BH-/MH- (áp dụng theo đúng chiều)		HAN-NHA/DAD/ DLI/HUI/UIH; HAN/SGN-PQC;	31/08/2024- 02/09/2024 28/12/2024- 30/12/2024 01/01/2025- 03/01/2025 29/01/2025- 07/02/2025 04/04-2025-05/04/2025 29/04/2025-02/05/2025 29/08/2025- 31/08/2025 31/12/2025- 02/01/2026
	SGN-HAN/HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UIH/THD/DLI/NHA/DAD/HUI/VDO/VCL; HAN-VII; PXU/VCA-HAN; VCA-BMV; VCA-HPH/THD/VII; DLI-HPH	11/01/2025- 03/02/2025		
	HAN/HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UIH/THD/DLI/NHA/DAD/HUI/VDO/VCL - SGN; VII-HAN; HAN-PXU/VCA; BMV-VCA; HPH/THD/VII-VCA; HPH-DLI	31/01/2025- 17/02/2025	NHA/DAD/ DLI/HUI/UIH -HAN; PQC-HAN/SGN;	03/09/2024- 05/09/2024 31/12/2024- 06/01/2025 31/01/2025- 10/02/2025 06/04/2025- 07/04/2025 02/05/2025- 05/05/2025 01/09/2025- 03/09/2025 03/01/2026- 05/01/2026
	HAN-NHA/DAD; HAN/SGN/HPH-PQC	29/01/2025- 07/02/2025		
	NHA/DAD-HAN; PQC-HAN/SGN/HPH	31/01/2025- 10/02/2025		

PHỤ LỤC 2: GIẢM GIÁ KHÁC

Chỉ áp dụng với giá -VNF tại các phòng vé của VNA. Không áp dụng đồng thời 2 chương trình giảm giá cho cùng đối tượng.

Đối tượng áp dụng		Giá áp dụng	Fare basis Ghi <loại giá>/<mã giảm giá>% giảm giá>	Giấy tờ kèm theo nộp cùng báo cáo bán	Câu lệnh tra giá	Câu lệnh tính giá
Hành khách Việt Nam 60 tuổi trở lên		85% giá B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-/R-/T-	-/SR15	Bản sao giấy tờ tùy thân	FQDHANSGN/R,-SRC,U	FXP/R,SRSC,U
Hành khách Việt Nam là người khuyết tật nặng/đặc biệt nặng	Người lớn	85% giá B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/	-/DI15	Giấy xác nhận khuyết tật được chủ tịch UBND xã/ phường/quận/ huyện/thành phố.. cấp theo quy định tại thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLDTBXH-BYT-BGĐT ngày 28/12/2012 quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.	FQDHANSGN/R,U*DIS	FXP/R,U*DIS
	Trẻ em	Áp dụng theo tỷ lệ giảm quy định tại Cat 19 trên cơ sở giá người lớn là hành khách Việt Nam là người khuyết tật nặng/đặc biệt nặng	-/DICH10		FQDHANSGN/R,-CNN,U*DIS	FXP/R,U*DIS
	Trẻ nhỏ		-/DIIN90		FQDHANSGN/R,-INF,U*DIS	FXP/R,U*DIS
Hành khách có hộ khẩu thường trú tại Côn Đảo	Người lớn	56% giá B-/M-/S-/H-/K-/ SGN-VCS v.v	-/AR44	Bản sao hộ khẩu hoặc chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc giấy xác nhận về thông tin cư trú	FQDSGNVCS/R,U*VCS	FXP/R,U*VCS
	Trẻ em	Áp dụng theo tỷ lệ giảm quy định tại Cat 19 trên cơ sở giá người lớn là hành khách có hộ khẩu thường trú tại Côn Đảo	-/ARCH10		FQDSGNVCS/R,-CNN,U*VCS	FXP/R,U*VCS
	Trẻ nhỏ		-/ARIN90		FQDSGNVCS/R,-INF,U*VCS	FXP/R,U*VCS
Quân nhân, Công chức, Viên chức nhà nước đang công tác tại Côn Đảo	Người lớn	56% giá B-/M-/S-/H-/K- SGN-VCS v.v	-/AR44	Bản sao quyết định cử công tác, điều động của cơ quan nhà nước chủ quản. và bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân	FQDSGNVCS/R,U*VCS	FXP/R,U*VCS
Hành khách có hộ khẩu thường trú tại Cà Mau	Người lớn	85% giá B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-/R-SGN-CAH v.v	-/AR15	Bản sao hộ khẩu hoặc chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc giấy xác nhận về thông tin cư trú	FQDSGNCAH/R,U*CAH	FXP/R,U*CAH
	Trẻ em	Áp dụng theo tỷ lệ giảm quy định tại Cat 19 trên cơ sở giá người lớn là hành khách có hộ khẩu thường trú tại Cà Mau	-/ARCH10		FQDSGNCAH/R,-CNN,U*CAH	FXP/R,U*CAH
	Trẻ nhỏ		-/ARIN90		FQDSGNCAH/R,-INF,U*CAH	FXP/R,U*CAH
Quân nhân, Công chức, Viên chức nhà nước đang công tác tại Cà Mau	Người lớn	85% giá B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-/R-SGN-CAH v.v	-/AR15	(1) Bản sao quyết định cử công tác, điều động của cơ quan nhà nước chủ quản; và (2) bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân	FQDSGNCAH/R,U*CAH	FXP/R,U*CAH
Hành khách có hộ khẩu thường trú tại	Người lớn	85% giá B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-/R-DAD-PXU v.v	-/AR15	Bản sao hộ khẩu hoặc chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công	FQDDADPXU/R,U*PXU	FXP/R,U*PXU

BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG**ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM****Số: DKC01/ND version 25.02** Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 28/12/2024

Trang 6/6

Đối tượng áp dụng		Giá áp dụng	Fare basis <i>Ghi <loại giá>/<mã giảm giá><% giảm giá></i>	Giấy tờ kèm theo nộp cùng báo cáo bán	Câu lệnh tra giá	Câu lệnh tính giá
Pleiku	Trẻ em	Áp dụng theo tỷ lệ giảm quy định tại Cat 19 trên cơ sở giá người lớn là hành khách có hộ khẩu thường trú tại Pleiku	-/ARCH10	dân hoặc giấy xác nhận về thông tin cư trú	FQDDADPXU/R,-CNN,U*PXU	FXP/R,U*PXU
	Trẻ nhỏ		-/ARIN90		FQDDADPXU/R,-INF,U*PXU	FXP/R,U*PXU
Quân nhân, Công chức, Viên chức nhà nước đang công tác tại Pleiku	Người lớn	85% giá B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-/R-DAD-PXU v.v	-/AR15	(1) Bản sao quyết định cử công tác, điều động của cơ quan nhà nước chủ quản; và (2) Bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân	FQDDADPXU/R,U*PXU	FXP/R,U*PXU